

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08-11-2021

V/v: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Vọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Du
2. Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 265/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1972; cư trú tại: cư trú tại: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bi đơn: Ông Ngô Đình D, sinh năm 1969; HKTT: phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; hiện cư trú tại: Tổ 15, Khu phố 3, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà N và ông Ngô Đình D chung sống và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 1992 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 30 tháng 12 năm 1992.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau và quan điểm sống quá khác biệt.

Bà N nhận thấy rằng sẽ khó có thể tiếp tục xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc như mong muốn trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng như vậy.

Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông D.

*Về con chung:* Bà N và ông D có 03 con chung là anh Ngô Quang M, sinh năm 1992; chị Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1995 và anh Ngô Trọng H1, sinh năm 1997. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn ông Ngô Đình D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông D được.

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn ông Ngô Đình D vắng mặt không có lý do.
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Ngô Đình D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Ngô Đình D là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 14 tháng 6 năm 2021, bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Đình D nên đây là vụ án “*Ly hôn*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền:* Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Ngô Đình D đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Ngô Đình D vắng

mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N và ông D chung sống với nhau từ năm 1992, ngày 30/12/1992 bà N và ông D đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà N và ông D là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 6, Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, do đó hôn nhân giữa bà N và ông D là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà N xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hiện nay bà N và ông D đã ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc, bà N và ông D không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ ông D nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông D không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà N và ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N được ly hôn với ông D.

[2.2]. *Về con chung*: Bà N và ông D có 03 con chung là anh Ngô Quang M, sinh năm 1992; chị Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1995 và anh Ngô Trọng H1, sinh năm 1997. Do các con đã trưởng thành và bà N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

[4]. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà N phải chịu 300.000 đồng; ông D không phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết N về việc “Ly hôn” đối với bị đơn là ông Ngô Đình D.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết N được ly hôn với ông Ngô Đình D.

1.2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Tuyết N và ông Ngô Đình D có 03 người con chung là anh Ngô Quang M, sinh năm 1992; chị Ngô Thị Thanh H, sinh năm 1995 và anh Ngô Trọng H1, sinh năm 1997. Do các con đã trưởng thành và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Tuyết N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Tuyết N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0056490 ngày 26/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thế Vọng**